

Số: 59/2020/QĐST-KDTM

T, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Áp dụng Điều 357 và Điều 323 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2020/TLST- KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)

Địa chỉ: số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP.H

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Xây dựng) theo Hợp đồng ủy quyền số 19567/2015/UQ.VAMC2-VNCB ngày 22/9/2015;

Địa chỉ: 145-147 – 149 Hùng Vương, Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tuấn, chức vụ: Chủ tịch HĐQT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quyết Tiến, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách khối Công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Anh Tuấn, chức vụ: Chuyên viên phòng Công nợ - Ngân hàng thương mại TNHH MTV

xây dựng Việt Nam theo Giấy ủy quyền số 13/2017/QĐ-CTHĐTV ngày 01/9/2017 và Giấy ủy quyền số 1406/2017/GUQ – CB ngày 05/12/2017.

*** Bị đơn:** Ông Chu Văn D – Chủ DNTN D

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện T, TP. H.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Chu Văn D, sinh năm 1967;
2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1968 (vợ ông D);
3. Anh Chu Văn T, sinh năm 1990 (con ông D– bà O);
4. Anh Chu Tiến Th, sinh năm 2003 (con ông D– bà O)
5. Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (vợ anh T);
6. Cháu Chu Thị Nhật Th1, sinh năm 2015 (con anh T – chị H);
7. Cháu Chu Thị Hồng Tr, sinh năm 2018 (con anh T – chị H).

Cùng trú tại: Thôn 5, xã P, huyện T, TP. H

Người đại diện theo pháp luật của anh Thành – ông Chu Văn D và bà Nguyễn Thị O – bố, mẹ đẻ.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th1, cháu Tr – anh Chu Văn T và chị Nguyễn Thị H - bố, mẹ đẻ;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Chu Văn D – chủ DNTD D xác nhận còn nợ và có nghĩa vụ trả công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2020 số tiền là: **78.582.758.664** đồng (*Bằng chữ: bảy mươi tám tỷ năm trăm tám mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*), trong đó:

- + Nợ gốc: 18.400.000.000 đồng;
- + Lãi trong hạn là: 1.837.834.664 đồng;
- + Lãi quá hạn là: 58.344.924.000 đồng;

2.2. Ông Chu Văn D – chủ DNTN D phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2020 trên số dư nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng (theo phương thức Hạn mức tín dụng) số 00005/HĐTD/HM-2010 ngày 15/01/2010; Các phụ lục hợp đồng tín dụng từ số 01 đến số 13 (không có số 2) /00005/HĐTD/HM-2010/PLHĐ; Các khế ước nhận nợ: số 31/00005/HĐTD/HM-2010/KUNN ngày 12/11/2011; số 32/00005/HĐTD/HM-2010/KUNN ngày 09/01/012; số 33/00005/HĐTD/HM-2010/KUNN ngày 19/01/2012; số 34/00005/HĐTD/HM-2010/KUNN ngày 17/3/2012; số 35/00005/HĐTD/HM-2010/KUNN ngày 19/3/2012 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2.3. Trường hợp ông Chu Văn D – chủ DNTN D không thực hiện hoặc

thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì VAMC mà đại diện theo ủy quyền là ngân hàng Xây Dựng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Xây dựng để thu hồi nợ. Các tài sản bảo đảm gồm:

2.3.1. Quyền sử dụng 118,5m² đất thuộc thửa đất số: 27, tờ bản đồ số: 500, địa chỉ: Đồng V, xã P, huyện T, tỉnh H (nay là H). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 741542, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02404/QSĐĐ/598/QĐ – UB do UBND huyện T cấp ngày 24/3/2008 cho ông Đặng Cao Đạt và bà Đỗ Thị Kim Dung đăng ký sang tên cho ông Chu Văn D ngày 04/4/2008 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 318 quyền số 01 ngày 21/04/2008 tại Phòng Công chứng số II, tỉnh Hà Tây và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18/10/2010 và ngày 15/3/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/4/2008; đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 23/5/2014 và ngày 16/11/2015;

2.3.2. Quyền sử dụng 123m² đất thuộc thửa đất số: 29, tờ bản đồ số: 00 tại địa chỉ: Khu Đồng Nương, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là H). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 817536, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02208/QSĐĐ/2388/QĐ- UB do UBND huyện T cấp ngày 30/11/2007 cho ông Nguyễn Văn Ngọc và bà Trần Thị Chung đăng ký sang tên cho ông Chu Văn D ngày 22/01/2008 do nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 318 quyền số 01 ngày 21/04/2008 tại Phòng Công chứng số II, tỉnh Hà Tây và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18/10/2010 và ngày 15/3/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/4/2008; đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 23/5/2014 và ngày 16/11/2015;

2.3.3. Quyền sử dụng 125,4 m² đất thuộc thửa đất số: 30, tờ bản đồ số: 00 tại địa chỉ: Khu Đồng Vàng Cửa Lỗ, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là H). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 817538, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02281/QSĐĐ/2390/QĐ – UB do UBND huyện T cấp ngày 30/11/2007 cho ông Đặng Cao T và bà Nguyễn Thị Tuyết, đăng ký sang tên cho ông Chu Văn D do nhận chuyển nhượng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 318 quyền số 01 ngày 21/04/2008 tại Phòng Công chứng số II, tỉnh Hà Tây và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản ngày 18/10/2010 và ngày 15/3/2011. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 28/4/2008; đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 23/5/2014 và ngày 16/11/2015;

2.3.4. Quyền sử dụng 583 m² đất thuộc thửa đất số: 472, tờ bản đồ số: 4 tại địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là H). Giấy chứng nhận

Quyền sử dụng đất số AN 047351, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02502/QSĐĐ/1406/QĐ – UB do UBND huyện T cấp ngày 24/6/2008 cho ông Chu Văn D và bà Nguyễn Thị O. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 682 quyển số 02 ngày 01/9/2008 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Tây; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC số 2207 ngày 22/9/2009 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC ngày 15/3/2011 công chứng số 400, quyển số 01 tại Phòng Công chứng số 8, Thành phố H. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, TP. H ngày 04/9/2008; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 23/5/2014 và ngày 16/11/2015.

2.3.5. Quyền sử dụng 120,7m² đất thuộc thửa đất số: 28, tờ bản đồ số: 00 tại địa chỉ: Khu Đồng Nương, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là H). Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AH 817510, số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 02234/QSĐĐ/10/QĐ – UB do UBND huyện T cấp ngày 08/01/2008 cho bà Dương Thị Ngừ, đăng ký sang tên cho ông Chu Văn D và bà Nguyễn Thị O ngày 14/8/2008 do nhận chuyển nhượng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 682 quyển số 02 ngày 01/9/2008 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Hà Tây; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC số 2207 ngày 22/9/2009 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC ngày 15/3/2011 công chứng số 400, quyển số 01 tại Phòng Công chứng số 8, Thành phố H. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, TP. H ngày 04/9/2008; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký ngày 23/5/2014 và ngày 16/9/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Chu Văn D- chủ DO nghiệp tư nhân D đối với VAMC. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ của ông Chu Văn D – chủ DNTN D tại VAMC thì ông D có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VAMC.

2.4. Về án phí: Ông Chu Văn D – Chủ DO nghiệp tư nhân D tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 93.291.379 đồng (Chín mươi ba triệu hai trăm chín mươi một nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng).

Hoàn trả Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) mà đại diện là Ngân hàng thương mại TNHH MTV xây dựng Việt Nam số tiền 82.198.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0011506 ngày 16/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố H.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông Chu Văn D tự nguyện thanh toán cho Ngân hàng Xây dựng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- THADS huyện T;
- TANDTP H;
- VKSNDTP H;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy